

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố

Mã đơn vị: 1069843

Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 04a-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

a- Địa chỉ: Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM.

b- Diện tích khuôn viên đất: 7.006 m2.

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 7.006 m2; Kinh doanh: m2; Liên doanh, liên kết: m2; Cho thuê: m2; Sử dụng khác: m2.

d- Giá trị theo sổ kế toán: 21.618.000 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1- Dãy nhà khu A	Nhà Cấp III		01/01/2001	3.877.368	3.877.368		964.816	3	1.674	1.674		1.674					
2- Dãy nhà khu B	Nhà Cấp III		01/01/2004	2.877.368	2.877.368		1.438.684	3	1.437	1.437		1.437					
3- Dãy nhà khu C	Nhà Cấp III		01/01/2004	1.431.368	1.431.368		928.126	3	858	858		858					
4- Dãy nhà hành chính - văn phòng	Nhà Cấp III		01/01/2009	15.115.368	15.115.368		10.580.758	3	1.188	1.188		1.188					
Tổng cộng:				23.301.473	23.301.473		13.912.384		5.157	5.157		5.157					

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☒

- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
Mã đơn vị: 1069843
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04b-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

TÀI SẢN	NHÂN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/ TÀI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
										Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	
														Tổng cộng	Trong đó		Không kinh doanh		Kinh doanh
										Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng cộng:																			

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày 27 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☒
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
Mã đơn vị: 1069843
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04c-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1- Nhà để xe giáo viên	TS00006		2009	01/01/2009	135.790	135.790		77.400	X					
2- Nhà thể dục đa năng	TS00008		2001	01/01/2001	411.368	411.368		208.613	X					
3- LG Projector Monitor 53 inch	TS00009		2002	01/01/2002	42.000	42.000			X					
4- Máy chiếu Panasonic PT-LB60NTEA	TS00010		2008	01/01/2008	37.546	37.546			X					
5- Projector máy chiếu đa năng Sanyo (Ban quản lý dự án quận 2 cấp)	TS00011		2009	01/01/2009	19.014	19.014			X					
6- Projector máy chiếu đa năng Sanyo PLC-XW300	TS00012		2010	01/01/2010	25.212	25.212			X					
7- Máy chụp hình kỹ thuật số Sony DSC-W7	TS00013		2005	01/01/2005	13.990	13.990			X					
8- Máy bắn tập MBT - 03	TS00014		2007	01/01/2007	18.500	18.500			X					
9- Máy bắn tập MBT - 03	TS00015		2010	01/01/2010	18.500	18.500			X					
10- Camera Samsung Video Presenter	TS00016		2002	01/01/2002	28.600	28.600			X					
11- Máy điều hòa nhiệt độ Samsung	TS00018		2005	01/01/2005	13.631	13.631			X					
12- Máy điều hòa nhiệt độ Samsung	TS00019		2005	01/01/2005	13.631	13.631			X					
13- Phần mềm Quản lý tài sản MISA	TS000201			16/11/2022	12.000	12.000		12.000		X				
14- Phần mềm kế toán Misa	TS000204			03/03/2021	12.000		12.000	12.000		X				
15- Phần mềm quản lý hóa đơn điện tử	TS000205			18/10/2022	12.100		12.100	12.100		X				
16- Máy bơm phòng cháy chữa cháy	TS000206			29/12/2023	66.963	66.963		66.963		X				
17- Máy vi tính để bàn	TS000207			16/03/2023	15.050		15.050	15.050		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
18- CPU máy tính Dell optilex 7010-8G2561Y	TS000208			26/01/2024	15.000		15.000	15.000		X				
19- Tủ hồ sơ ngăn 180 x 200 bằng gỗ	TS000209			17/04/2024	14.000		14.000	14.000		X				
20- Đầu ghi hình IP 32 kênh DAHUA	TS000210			26/04/2024	15.900		15.900	15.900		X				
21- Hệ thống loa phát thanh học đường (2 loa TOA SC651, 01 ampli TOA A2120	TS000211			17/02/2024	15.000		15.000	15.000		X				
22- Tủ hồ sơ 1m7 x2m4, 4 ngăn (khung sắt, vách nhựa, cửa kính)	TS000212			03/10/2024	16.200		16.200	16.200		X				
23- Tủ kính	TS000213			10/06/2024	19.980		19.980	19.980		X				
24- CPU máy tính Dell Vostro3020T	TS000214			24/07/2024	11.020		11.020	11.020		X				
25- Máy lạnh LG chủng loại treo tường INVERTER GAS R410	TS00022		2013	01/01/2013	66.400	66.400		26.560	X					
26- Máy lạnh Rectech RT/RC - 18DD	TS00023		2007	01/01/2007	19.800	19.800			X					
27- Máy quay phim Sony DVD	TS00024		2005	01/01/2005	26.363	26.363			X					
28- Máy scan DR 2580C	TS00025		2007	01/01/2007	17.000	17.000			X					
29- Máy photocopy Konica Minolta BIZHUB 2011+AD 504	TS00026		2009	01/01/2009	42.647	42.647			X					
30- Máy phô to cop pi BIZHUB 185	TS00027		2013	01/01/2013	33.264	33.264		29.938	X					
31- Máy in siêu tốc Gestetner	TS00029		2003	01/01/2003	58.900	58.900			X					
32- Tivi LCD Panasonic TX-32 LX 77M	TS00033		2008	01/01/2008	11.800	11.800			X					
33- Tivi LCD Samsung 52 Inch (Ban quản lý dự án Quận 2 trang bị)	TS00034		2009	01/01/2009	74.178	74.178			X					
34- Tivi LCD LED Samsung 40 Inch (Trang bị phòng thư viện 2015)	TS00035		2015	01/01/2015	12.990	12.990			X					
35- Tủ lạnh Hitachi	TS00037		2005	01/01/2005	11.100	11.100			X					
36- Tủ lạnh Hitachi 610L	TS00040		2003	01/01/2003	15.750	15.750			X					
37- Thảm trải sân cầu lông cho nhà thể dục đa năng	TS00041		2010	01/01/2010	38.500	38.500			X					
38- Máy bơm chữa cháy TOHATSU V75- hai thì, xăng pha nhớt	TS00043		2000	01/01/2000	50.000	50.000			X					
39- Máy lọc nước y tế Coway CHP-06DL (Nguồn chi từ quỹ Y tế học đường ngày 20/07/2015)	TS00044		2015	20/07/2015	13.949	13.949			X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40- Máy Laptop Compaq	TS00045		2007	01/01/2007	15.827	15.827			X					
41- Máy Laptop Compaq	TS00046		2008	01/01/2008	15.827	15.827			X					
42- Máy Laptop Compaq Centrino Core 2 Duo- T7250	TS00047		2015	05/03/2015	23.500	23.500			X					
43- 01 Máy Laptop Asus TP550LD - CJ084H Black - TP 550 ngày 05/03/2015 - Trang bị Phòng Hiệu trưởng	TS00048		2015	17/08/2015	11.490	11.490		11.490	X					
44- 02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng tin học ngày 26/08/2015) máy giáo viên	TS00051.01		2015	16/12/2015	14.707	14.707		14.707	X					
45- 02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng tin học ngày 26/08/2015) máy giáo viên	TS00051.02		2015	16/12/2015	14.707	14.707		14.707	X					
46- 01 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng tin học 1 ngày 16/12/2015) máy giáo viên	TS00052		2015	21/11/2015	10.175	10.175		10.175	X					
47- Máy vi tính (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00085		2009	01/01/2009	13.446	13.446			X					
48- Máy vi tính Intel Due Core 2	TS00086		2010	01/01/2010	10.500	10.500			X					
49- Bộ máy vi tính màn hình 17 incher	TS00170		2013	01/01/2013	12.968	12.968			X					
50- Máy vi tính CPU Intel G550-Màn hình LCD HP 18.5	TS00174		2013	01/01/2013	16.488	16.488			X					
51- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.01		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
52- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.02		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
53- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.03		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
54- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.04		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
55- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.05		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
56- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.06		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
57- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.07		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
58- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.08		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
59- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.09		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
60- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.10		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
61- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.11		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
62- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.12		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
63- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.13		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
64- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.14		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
65- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.15		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
66- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.16		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
67- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.17		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
68- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.18		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
69- Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	TS00175.19		2013	01/01/2013	10.153	10.153		7.107	X					
70- Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	TS00177		2013	01/01/2013	28.707	28.707		11.483	X					
71- Máy vi tính : Core I3-3470 3.2Ghz màn hình LCD Dell 17 incher	TS00178		2013	01/01/2013	10.395	10.395			X					
72- Bộ máy vi tính Intel Pentum core i3 - màn hình LCD HP 18.5 in	TS00179		2016	09/06/2016	10.637	10.637			X					
73- Phần mềm thi tốt nghiệp	TS00184		2013	01/01/2013	10.000	10.000		10.000	X					
74- Thiết bị thuộc đề án " Phổ cập và nâng cao sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và trung học chuyên nghiệp thành phố"	TS00185.01		2013	01/01/2013	90.422	90.422			X					
75- Thiết bị thuộc đề án " Phổ cập và nâng cao sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và trung học chuyên nghiệp thành phố"	TS00185.02		2013	01/01/2013	90.422	90.422			X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
76- Thiết bị thuộc đề án " Phổ cập và nâng cao sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và trung học chuyên nghiệp thành phố"	TS00185.03		2013	01/01/2013	90.422	90.422			X					
77- Thiết bị thuộc đề án " Phổ cập và nâng cao sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và trung học chuyên nghiệp thành phố"	TS00185.04		2013	01/01/2013	90.422	90.422			X					
78- Bàn làm việc, tủ, kệ trang bị cho phòng kế toán và phòng tài vụ	TS00186		2013	01/01/2013	24.000	24.000			X					
79- Tủ đựng hồ sơ Đảng (Trang bị phòng hiệu phó 2 - Lưu hồ sơ Đảng - ngày 27/10/2015)	TS00188		2015	27/10/2015	11.505	11.505		11.505	X					
80- Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00190		2009	01/01/2009	15.695	15.695			X					
81- Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00191		2009	01/01/2009	15.695	15.695			X					
82- Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00192		2009	01/01/2009	15.695	15.695			X					
83- Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00193		2009	01/01/2009	15.695	15.695			X					
84- Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	TS00194		2009	01/01/2009	15.695	15.695			X					
85- Bộ va li Tin học (gồm 3 môn Lý Hóa Sinh + phần mềm điều khiển)	TS00195		2009	01/01/2009	59.578	59.578			X					
86- Máy bắn tập MBT-03 model SH2/GDQP/CD (T.4/2017)	TS00196		2017	01/04/2017	48.300	48.300		9.660	X					
87- TT tiên mua hệ thống âm thanh sân khấu (T.7/2018)	TS00197		2018	01/07/2018	99.110	99.110		39.644	X					
88- TT tiên mua máy chiếu (T.7/2018)	TS00198		2018	01/07/2018	34.500	34.500		13.800	X					
89- Đồng hồ treo tường 4 mặt	TS00199		2018	01/01/2018	13.200	13.200		5.280	X					
90- Tivi (T8/2019)	TS00200		2019	01/08/2019	37.400	37.400		22.440	X					
Tổng cộng:					2.675.673	2.529.424	146.250	877.649						

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☒

- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

....., ngày 27 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
Mã đơn vị: 1069843
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						107.100						
4	Tài sản cố định khác						107.100						
	CPU máy tính Dell optilex 7010-8G2561Y	Cái	1				15.000	Mua sắm trực tiếp					
	CPU máy tính Dell Vostro3020T		1				11.020	Mua sắm trực tiếp					
	Đầu ghi hình IP 32 kênh DAHUA		1				15.900	Mua sắm trực tiếp					
	Hệ thống loa phát thanh học đường (2 loa TOA SC651, 01 ampli TOA A2120		1				15.000	Mua sắm trực tiếp					
	Tủ hồ sơ 1m7 x2m4, 4 ngăn (khung sắt, vách nhựa, cửa kính)		1				16.200	Mua sắm trực tiếp					
	Tủ hồ sơ ngăn 180 x 200 bằng gỗ		1				14.000	Mua sắm trực tiếp					
	Tủ kính		1				19.980	Mua sắm trực tiếp					
	Tổng cộng						107.100						



Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

nghe

Ngày 27 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
Mã đơn vị: 1069843
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Quyền sử dụng đất tại Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM	7.006	21.618.000		7.006																	
2	Dãy nhà hành chính - văn phòng tại Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM									2009	1.188	15.115.368	8.162.299		1.188							
3	Dãy nhà khu A tại Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM									2001	1.674	3.877.368	344.437		1.674							
4	Dãy nhà khu B tại Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM									2004	1.437	2.877.368	978.305		1.437							



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
5	Dãy nhà khu C tại Số 200/10 Nguyễn Thị Định P. Bình Trưng Tây Tp.Thủ Đức, TP.HCM									2004	858	1.431.368	699.107		858							
	Tổng cộng:	7.006	21.618.000		7.006						5.157	23.301.473	10.184.148		5.157							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Ngày 27 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
 Mã đơn vị: 1069843
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		250	3.433.785	3.287.536	146.250	227.714							
1	01 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core i5 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng tin học 1 ngày 16/12/2015) máy giáo viên	Trường GOT	1	10.175	10.175									
2	Nhà để xe giáo viên	Trường GOT	1	135.790	135.790									
3	Máy vi tính Intel Due Core 2	Trường GOT	1	10.500	10.500									
4	Máy vi tính để bàn	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	15.050		15.050	9.030							x
5	Máy vi tính CPU Intel G550-Màn hình LCD HP 18.5	Trường GOT	1	16.488	16.488									
6	Máy vi tính Core 2 I3-3220 3Ghz-Màn hình LCD 18.5 P191 (19 máy)	Trường GOT	19	192.907	192.907									
7	Máy vi tính (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	13.446	13.446									
8	Nhà thẻ dực đa năng	Trường GOT	1	411.368	411.368									
9	Máy vi tính : Core I3-3470 3.2Ghz màn hình LCD Dell 17 incher	Trường GOT	1	10.395	10.395									
10	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	Trường GOT	1	28.707	28.707									
11	Máy scan DR 2580C	Trường GOT	1	17.000	17.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy quay phim Sony DVD	Trường GOT	1	26.363	26.363									
13	Máy photocopy Konica Minolta BIZHUB 2011+AD 504	Trường GOT	1	42.647	42.647									
14	Máy phôi to cop pi BIZHUB 185	Trường GOT	1	33.264	33.264									
15	Máy lọc nước y tế Coway CHP-06DL (Nguồn chi từ quỹ Y tế học đường ngày 20/07/2015)	Trường GOT	1	13.949	13.949									
16	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	Trường GOT	26	250.000	250.000									x
17	Phần mềm kế toán Misa	Trường GOT	1	12.000		12.000	9.600		x					
18	Phần mềm quản lý hóa đơn điện tử	Trường GOT	1	12.100		12.100	9.680		x					
19	Phần mềm Quản lý tài sản MISA	Trường GOT	1	12.000	12.000		9.600		x					
20	Tủ kính	Phòng Truyền thống	1	19.980		19.980	15.984							x
21	Tủ hồ sơ ngăn 180 x 200 bằng gỗ	Phòng Học vụ	1	14.000		14.000	11.200							x
22	Tủ hồ sơ 1m7 x2m4, 4 ngăn (khung sắt, vách nhựa, cửa kính)	Phòng Kế toán	1	16.200		16.200	12.960							x
23	Tủ đựng hồ sơ Đảng (Trang bị phòng hiệu phó 2 - Lưu hồ sơ Đảng - ngày 27/10/2015)	Trường GOT	1	11.505	11.505		5.752							
24	TT tiền mua máy chiếu (T.7/2018)	Trường GOT	1	34.500	34.500									
25	TT tiền mua hệ thống âm thanh sân khấu (T.7/2018)	Trường GOT	1	99.110	99.110									
26	Tivi LCD Samsung 52 Inch (Ban quản lý dự án Quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	74.178	74.178									
27	Tivi LCD Panasonic TX-32 LX 77M	Trường GOT	1	11.800	11.800									
28	Tivi LCD LED Samsung 40 Inch (Trang bị phòng thư viện 2015)	Trường GOT	1	12.990	12.990									
29	Tivi (T8/2019)	Trường GOT	1	37.400	37.400									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	Thiết bị thuộc đề án " Phổ cập và nâng cao sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và trung học chuyên nghiệp thành phố"	Trường GOT	4	361.689	361.689									
31	Thảm trải sân cầu lông cho nhà thể dục đa năng	Trường GOT	1	38.500	38.500									
32	Projector máy chiếu đa năng Sanyo PLC-XW300	Trường GOT	1	25.212	25.212									
33	Projector máy chiếu đa năng Sanyo (Ban quản lý dự án quận 2 cấp)	Trường GOT	1	19.014	19.014									
34	Phần mềm thi tốt nghiệp	Trường GOT	1	10.000	10.000		8.000							
35	Máy Laptop Compaq Centrino Core 2 Duo- T7250	Trường GOT	1	23.500	23.500									
36	Tủ lạnh Hitachi	Trường GOT	1	11.100	11.100									
37	Máy Laptop Compaq	Trường GOT	1	15.827	15.827									
38	Máy lạnh Rectech RT/RC - 18DD	Trường GOT	1	19.800	19.800									
39	Bộ va li Tin học (gồm 3 môn Lý Hóa Sinh + phần mềm điều khiển)	Trường GOT	1	59.578	59.578									
40	Bộ máy vi tính màn hình 17 inch	Trường GOT	1	12.968	12.968									
41	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	Trường GOT	48	394.416	394.416									x
42	Bộ máy vi tính Intel Pentum core i3 - màn hình LCD HP 18.5 in	Trường GOT	1	10.637	10.637									
43	Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	15.695	15.695									
44	Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	15.695	15.695									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Camera Samsung Video Presenter	Trường GOT	1	28.600	28.600									
46	Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	15.695	15.695									
47	Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	15.695	15.695									
48	Bàn làm việc, tủ, kệ trang bị cho phòng kế toán và phòng tài vụ	Trường GOT	1	24.000	24.000									
49	04 bộ máy vi tính học sinh Pentium Dual - G 3.26 Hz - màn hình LCD HP wide 18.5 (Trang bị phòng tin học 1 ngày 26/08/2015)	Trường GOT	4	32.868	32.868									x
50	02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng tin học ngày 26/08/2015) máy giáo viên	Trường GOT	2	29.414	29.414									
51	02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng Lab ngày 21/11/2015) máy giáo viên	Trường GOT	2	16.588	16.588									x
52	01 Máy Laptop Asus TP550LD - CJ084H Black - TP 550 ngày 05/03/2015 - Trang bị Phòng Hiệu trưởng	Trường GOT	1	11.490	11.490									
53	Bảng tương tác thông minh eBEAM+ Phần mềm điều khiển (Ban quản lý dự án quận 2 trang bị)	Trường GOT	1	15.695	15.695									
54	CPU máy tính Dell optilex 7010-8G2561Y	Phòng Văn thư	1	15.000		15.000	12.000							x
55	CPU máy tính Dell Vostro3020T	Phòng Hiệu trưởng	1	11.020		11.020	8.816							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
56	Đầu ghi hình IP 32 kênh DAHUA	Phòng Giám thị	1	15.900		15.900	12.720							x
57	Máy lạnh LG chủng loại treo tường INVERTER GAS R410	Trường GOT	1	66.400	66.400									
58	Máy in siêu tốc Gestetner	Trường GOT	1	58.900	58.900									
59	Máy điều hòa nhiệt độ Samsung	Trường GOT	1	13.631	13.631									
60	Máy điều hòa nhiệt độ Samsung	Trường GOT	1	13.631	13.631									
61	Máy chụp hình kỹ thuật số Sony DSC-W7	Trường GOT	1	13.990	13.990									
62	Máy chiếu Panasonic PT-LB60NTEA	Trường GOT	1	37.546	37.546									
63	Máy bơm phòng cháy chữa cháy	Trường GOT	1	66.963	66.963		50.222							x
64	Máy bơm chữa cháy TOHATSU V75-hai thì, xăng pha nhớt	Trường GOT	1	50.000	50.000									
65	Máy bắn tập MBT-03 model SH2/GDQP/CD (T.4/2017)	Trường GOT	1	48.300	48.300									
66	Máy bắn tập MBT - 03	Trường GOT	1	18.500	18.500									
67	Máy bắn tập MBT - 03	Trường GOT	1	18.500	18.500									
68	LG Projector Monitor 53 incher	Trường GOT	1	42.000	42.000									
69	Hệ thống loa phát thanh học đường (2 loa TOA SC651, 01 ampli TOA A2120	Khuôn viên trường	1	15.000		15.000	12.000							x
70	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	Trường GOT	80	64.240	64.240		40.150							x
71	Đồng hồ treo tường 4 mặt	Trường GOT	1	13.200	13.200									
72	Máy Laptop Compaq	Trường GOT	1	15.827	15.827									
73	Tủ lạnh Hitachi 610L	Trường GOT	1	15.750	15.750									

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Ngày 27 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Giồng Ông Tố
Mã đơn vị: 1069843
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	758.112		40.150												
1	02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng Lab ngày 21/11/2015) máy giáo viên	8.294								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	02 bộ máy vi tính giáo viên Intel Core 15 4460 - Màn hình LCD Dell 1715 - 17 vuông (trang bị phòng Lab ngày 21/11/2015) máy giáo viên	8.294								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	04 bộ máy vi tính học sinh Pentium Dual - G 3.26 Hz - màn hình LCD HP wide 18.5 (Trang bị phòng tin học 1 ngày 26/08/2015)	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	04 bộ máy vi tính học sinh Pentium Dual - G 3.26 Hz - màn hình LCD HP wide 18.5 (Trang bị phòng tin học 1 ngày 26/08/2015)	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	04 bộ máy vi tính học sinh Pentium Dual - G 3.26 Hz - màn hình LCD HP wide 18.5 (Trang bị phòng tin học 1 ngày 26/08/2015)	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	04 bộ máy vi tính học sinh Pentium Dual - G 3.26 Hz - màn hình LCD HP wide 18.5 (Trang bị phòng tin học 1 ngày 26/08/2015)	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
7	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
16	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
19	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
28	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
40	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
43	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
44	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
45	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
46	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
47	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
48	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
49	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
50	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
51	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
52	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
53	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
54	Bộ máy vi tính (48 bộ Intel Pentum G3250 - Màn hình LCD V193B wide 18.5) Trang bị phòng tin học 1	8.217								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
55	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
57	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
58	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
59	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
60	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
61	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
62	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
63	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
64	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
65	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
66	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
67	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
68	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
69	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
70	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
71	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
72	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
73	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
74	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
75	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
76	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
77	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
78	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
79	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
80	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
81	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
82	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
83	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
84	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
85	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
86	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
88	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
89	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
90	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
91	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
92	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
93	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
94	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
95	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
96	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
97	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
98	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
99	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
100	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
101	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
102	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
103	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
104	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
105	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
106	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
107	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
111	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
112	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
113	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
114	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
115	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
116	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
117	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
118	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
119	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
120	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
121	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
122	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
123	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
124	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
125	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
126	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
127	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
128	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
129	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
130	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
131	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
132	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
133	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
134	Ghế Hội trường 80 cái (Hóa đơn số 0000958 ngày 10/06/2015 nguồn ngân sách)	803		502						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
135	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
136	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
137	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
138	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
139	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
140	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
141	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
142	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
143	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
144	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
145	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
146	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
147	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
148	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
149	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
150	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
151	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
152	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
153	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
154	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
155	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
156	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
157	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
158	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
159	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
160	Máy vi tính : 1 máy chủ Core I5-3470 3.2Ghz - (26 máy) HS Intel I3-3220 3.3 Ghz	9.615								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
	Tổng cộng	758.112		40.150												

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

nghe

Ngày 27 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hoàng Anh



Nguyễn Thị Hoàng Anh